



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2015

Ngành: **Đông phương học**
 Các chuyên ngành: **Nhật Bản học**
 Mã số ngành: **52220213**
 Tổng khối lượng kiến thức:

126 tín chỉ tích lũy

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/T T	ĐAM H	KLT N	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
I.1. Ngoại ngữ			9					
I.1.01	MCA022	Tiếng Anh 1	3	3				
I.1.02	MCA023	Tiếng Anh 2	3	3				MCA022
I.1.03	MCA024	Tiếng Anh 3	3	3				MCA023
I.2. Khoa học xã hội và khoa học tự nhiên			18					
	Bắt buộc		15					
I.2.01	MCA001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3				
I.2.02	MCA020	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3				
I.2.03	MCA013	Các nền văn minh thế giới	3	3				
I.2.04	MCA019	Pháp luật đại cương	3	3				
	MCA025	Tiếng Việt thực hành	3	3				
	Tự chọn	(Chọn 1 trong 3 học phần)	3					
I.4.05	MCA029	Nhập môn xã hội học	3	3				
I.4.06	MCA014	Logic học	3	3				
I.4.07	MCA016	Môi trường và con người	3	3				
I.3. Chính trị			10					
I.3.01	MCA064	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2				
I.3.02	MCA065	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3				MCA064
I.3.03	MCA028	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				MCA065
I.3.04	MCA002	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3				MCA028
	TỔNG KHỐI GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		37					
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
II.1. Kiến thức cơ sở			13					
II.1.01	1A15113	Địa lý dân cư và kinh tế Nhật Bản	3	3				
II.1.02	1A15014	Lịch sử Nhật Bản	2	2				
II.1.04	MCA021	Nhập môn tâm lý học	3	3				
II.1.05	1A15114	Văn hóa Nhật Bản	3	3				
II.1.06	1A15078	Văn học Nhật Bản	2	2				
II.2. Kiến thức chuyên ngành			76					



STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/T T	ĐAM H	KLT N	
II.2.a. Kiến thức bắt buộc			64					
II.2a.01	1A15008	Tiếng Nhật dịch nói 1	2	2				
II.2a.02	1A15009	Tiếng Nhật dịch nói 2	2	2				1A15115
II.2a.03	1A15010	Tiếng Nhật dịch viết 1	2	2				
II.2a.04	1A15011	Tiếng Nhật dịch viết 2	2	2				1A15117
II.2a.05	1A15047	Tiếng Nhật đọc 1	2	2				
II.2a.06	1A15048	Tiếng Nhật đọc 2	2	2				1A15047
II.2a.07	1A15119	Tiếng Nhật đọc 3	3	3				1A15048
II.2a.08	1A15050	Tiếng Nhật đọc 4	3	3				1A15119
II.2a.09	1A15051	Tiếng Nhật đọc 5	3	3				1A15050
II.2a.10	1A15053	Tiếng Nhật kinh tế-thương mại	2	2				
II.2a.11	1A15054	Tiếng Nhật Nghe 1	2	2				
II.2a.12	1A15055	Tiếng Nhật Nghe 2	2	2				1A15054
II.2a.13	1A15120	Tiếng Nhật Nghe 3	3	3				1A15055
II.2a.14	1A15057	Tiếng Nhật Nghe 4	3	3				1A15120
II.2a.15	1A15058	Tiếng Nhật Nghe 5	3	3				1A15057
II.2a.16	1A15061	Tiếng Nhật nói 1	2	2				
II.2a.17	1A15062	Tiếng Nhật nói 2	2	2				1A15061
II.2a.18	1A15121	Tiếng Nhật nói 3	3	3				1A15062
II.2a.19	1A15064	Tiếng Nhật nói 4	3	3				1A15121
II.2a.20	1A15065	Tiếng Nhật nói 5	3	3				1A15064
II.2a.21	1A15067	Tiếng Nhật văn phòng 1	2	2				
II.2a.22	1A15068	Tiếng Nhật viết 1	2	2				
II.2a.23	1A15069	Tiếng Nhật viết 2	2	2				1A15068
II.2a.24	1A15122	Tiếng Nhật viết 3	3	3				1A15069
II.2a.25	1A15071	Tiếng Nhật viết 4	3	3				1A15122
II.2a.26	1A15072	Tiếng Nhật viết 5	3	3				1A15071
II.3. Kiến thức tốt nghiệp			12					
II.2a.27	1A15123	Thực tập tốt nghiệp đại học Nhật Bản học	3	3	3			
II.3.01	1A15124	Khóa luận tốt nghiệp đại học Nhật Bản học	9				9	
		(Các học phần thay thế KL tốt nghiệp)						
Nhóm 1		Biên phiên dịch nâng cao	9					
II.3.02	1A15125	Ngữ pháp Tiếng Nhật nâng cao	3	3				
II.3.03	1A15126	Tiếng Nhật - biên phiên dịch 1	3	3				
II.3.04	1A15127	Tiếng Nhật - biên phiên dịch 2	3	3				1A15126
Nhóm 2		Tiếng Nhật văn phòng	9					
II.3.05	1A15128	Tiếng Nhật - viết luận 1	3	3				
II.3.06	1A15129	Tiếng Nhật - viết luận 2	3	3				1A15128

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/T T	ĐAM H	KLT N	
II.3.07	1A15130	Tiếng Nhật văn phòng 2	3	3				1A15067
		TỔNG KHỐI GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89					
		III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY	22					
III.01	MCA066	Tin học văn phòng	3	2	1			
III.02	MCA031	Kỹ năng mềm	8	8				
III.03	MCA007	Giáo dục thể chất 1	1		1			
III.04	MCA068	Giáo dục thể chất 2	1		1			
III.05	MCA069	Giáo dục thể chất 3	1		1			
III.06	MCA003	Giáo dục quốc phòng 1	3	3				
III.07	MCA004	Giáo dục quốc phòng 2	2	2				MCA003
III.08	MCA005	Giáo dục quốc phòng 3	3		3			MCA004

P. TRƯỞNG KHOA

(Signature)

TS. PHẠM QUỐC HÙNG

**KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



★ **PGS.TS Phạm Vũ Phi Hồ**



